TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2022/HNGĐ - ST.
Ngày: 29/9/2022.
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Hồng Trường.
- *Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Nguyễn Văn Hải. Chức vụ: Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kiều Mai.

2/. Ông Phạm Xuân Vinh. Chức vụ: Nguyên trưởng phòng Giáo dục huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Bình.

Là: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:*

Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa. Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 29/9/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 300/2022/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2022. Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 12/9/2022.

Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T. Sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Đức D. Sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2022, biên bản tự khai ngày 01/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với ông Trần Đức D trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 13/4/2018, theo giấy chứng nhận kết hôn số 50/2018.

Sau khi về chung sống với nhau thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến khi có con chung thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống không đồng nhất, anh Trần Đức D là người chồng thiếu trách nhiệm với gia đình, suốt ngày chơi bời nhậu nhẹt và có dấu hiệu sử

dụng chất cấm nên mâu thuẫn vợ chồng ngày thêm trầm trọng. Vì vậy chúng tôi đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2022 cho đến nay ai biết bổn phận người nấy, không ai quan tâm chăm sóc đến ai.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bà T có nguyện vọng về tình cảm là xin được ly hôn với ông Trần Đức D.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Minh T xác nhận, trong quá trình chung sống bà và ông D có một con chung là Trần Ngọc Anh K, sinh ngày 05/11/2018, hiện nay cháu K đang được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Minh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con: Bà T đang làm công nhân, có thu nhập ổn định, do vậy bà T có đủ điều kiện để nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Nguyễn Thị Minh T không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Đức D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông D đều vắng mặt tất cả các buổi làm việc nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông D.

Ngày 12/9/2022 Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc mở phiên tòa xét xử vụ án, tại phiên tòa bị đơn ông Trần Đức D vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện của mình; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Trần Đức D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử;

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T, cho bà Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với ông Trần Đức D.

- Về con chung: Áp dụng vào các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Giao con chung cháu Trần Ngọc Anh K, sinh ngày 05/11/2018 cho bà Nguyễn Thị Minh T trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kđủ 18 tuổi.

Ông Trần Đức D được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Minh T không yêu cầu ông Trần Đức D cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Nguyễn Thị Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T và bị đơn ông Trần Đức D. Tuy nhiên bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông D không tham gia tố tụng tại Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T và bị đơn ông Trần Đức D.

- Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Trần Đức D quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với nhau vào trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Kuăng, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk ngày 13/4/2018, theo giấy chứng nhận kết hôn số 50/2018. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống với nhau thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2022 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau.

Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng bà T, ông D đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà T có nguyện vọng về tình cảm là xin được ly hôn với ông Trần Đức D, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho bà Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với ông Trần Đức D.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà T, ông D có một con chung là Trần Ngọc Anh K, sinh ngày 05/11/2018.

Bà T có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án ông D không tham gia tố tụng tại Tòa án nên không xác định được nguyện vọng và yêu cầu của ông D về con chung. Hiện nay con chung đang được bà T trực tiếp

chăm sóc và nuôi dưỡng.

Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng vào các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao con chung là Trần Ngọc Anh K, sinh ngày 05/11/2018 cho bà Nguyễn Thị Minh T trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kđủ 18 tuổi là hoàn toàn thỏa đáng, đúng quy định của pháp luật. Ông Trần Đức D được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Minh T không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Nguyễn Thị Minh T không yêu cầu giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 203, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với ông Trần Đức D.

[2] Về con chung: Giao con chung là Trần Ngọc Anh K, sinh ngày 05/11/2018 cho bà Nguyễn Thị Minh T trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Ông Trần Đức D được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Minh T không yêu cầu ông Trần Đức D cấp dưỡng tiền nuôi con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Nguyễn Thị Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] **Về án phí**: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0016265, ngày 20/6/2022.

[6] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T và bị đơn ông Trần Đức D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hồng Trường

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện Krông Pắc
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc.
- Các đương sự;
- UBND xã Ea Kuăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.